

LUẬN A TỶ ĐÀM BÁT KIỀN ĐỘ QUYỂN 22

Kiên độ thứ 6: CĂN

Phẩm 4: BÀN VỀ TÂM BẮT ĐẦU

Tất cả chúng sinh nên nói tâm bắt đầu khởi, bắt đầu trụ, bắt đầu diệt chăng? Các tâm có dục và các tâm không có dục, tâm này nên nói bắt đầu khởi, bắt đầu trụ, bắt đầu diệt chăng? Các tâm có giận dữ và không có giận dữ, có si và không có si có ô nhiễm và không có ô nhiễm, có rối loạn và không có rối loạn có lười biếng và không có lười biếng, có nhỏ và có lớn có tu và không tu, có Tam-muội và không có Tam-muội, có tâm giải thoát và tâm không giải thoát. Các tâm này nên nói bắt đầu khởi, bắt đầu trụ, bắt đầu diệt chăng?

Thọ mạng nên nói khởi tâm trở lại hay không khởi tâm trở lại? Thọ mạng nên nói thuận theo trở lại, nên nói bắt đầu sinh- trụ chăng?

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Mạng người dần hết, như nước nơi sông nhỏ. Các chúng sinh luôn mong thọ mạng đến hết thọ mạng kia.” Thế nào là thọ mạng kia đã hết? Nhập định vô tưởng, định diệt tận, thọ mạng lưu chuyển nên nói thuận theo trở lại hay không trở lại?

Nhập định vô tưởng có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Tam-muội vô tưởng khởi lên có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Nhập định diệt tận có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Tam-muội diệt tận khởi lên có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Sinh nơi vô tưởng thì chúng sinh có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Chúng sinh vô tướng ẩn mất có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt? Chúng sinh vô tướng nên nói là do tướng sinh hay vô tướng sinh?

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: “Chúng sinh ấy do tướng sinh ra, nơi ấy ẩn đi thì tướng ấy diệt.” Chúng sinh ấy ở nơi ấy ẩn đi là không diệt trụ. Nơi nào diệt tướng này? Tướng này nên nói là thiện, hay vô ký? Tướng này có bao nhiêu sử sai khiến? Có bao nhiêu kiết trí buộc?

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Tất cả chúng sinh đều do ăn mà tồn tại.” Chúng sinh cõi vô tướng ăn những gì?

Nhãn căn thấu tóm bao nhiêu căn? Cho đến vô tri căn thấu tóm bao nhiêu căn? Tín lực cho đến tuệ lực, niệm giác ý cho đến hộ giác ý, đẳng kiến cho đến đẳng định, pháp trí cho đến đạo trí. Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện thấu tóm bao nhiêu căn?

Ý căn có bao nhiêu căn tương ứng? Cho đến vô tri căn có bao nhiêu căn tương ứng? Tín lực cho đến tuệ lực, niệm giác ý cho đến hộ giác ý, đẳng kiến cho đến đẳng định, pháp trí cho đến đạo trí. Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện có bao nhiêu căn tương ứng?

Ở cõi Dục ẩn đi rồi sinh vào cõi Dục có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt? Từ cõi Dục ẩn đi sinh đến cõi Sắc, có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt? Từ cõi Dục sinh nơi cõi Vô sắc, có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Ở cõi Sắc ẩn đi sinh đến cõi Sắc, có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Từ cõi Sắc ẩn đi sinh đến cõi Dục, có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt? Từ cõi Sắc ẩn đi sinh đến cõi Vô sắc, có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Ở cõi Vô sắc ẩn đi sinh đến cõi Vô sắc, có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt? Từ cõi Vô sắc ẩn

đi sinh đến cõi Dục, có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt? Từ cõi Vô sắc ẩn đi sinh đến cõi Sắc, có bao nhiêu căn diệt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt? Có bao nhiêu căn hiện trước mắt? Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

A-la-hán bát Niết-bàn có bao nhiêu căn diệt sau cùng?

Về nghĩa của chương này, xin diễn nói đầy đủ.

Hỏi: Tất cả chúng sinh nên nói bắt đầu khởi, bắt đầu trụ, bắt đầu diệt chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các tâm có dục và các tâm không có dục, tâm này nên nói bắt đầu khởi, bắt đầu trụ, bắt đầu diệt chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các tâm có giận dữ và không có giận dữ, có si và không có si, có ô nhiễm và không có ô nhiễm, có rối loạn và không có rối loạn, có lười biếng và không có lười biếng, có nhỏ và có lớn, có tu và không tu, có Tam-muội và không có Tam-muội, có tâm giải thoát và tâm không giải thoát. Các tâm này nên nói bắt đầu khởi, bắt đầu trụ, bắt đầu diệt chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Thọ mạng, nên nói khởi tâm trở lại, hay không khởi tâm trở lại?

Đáp: Thọ mạng, nên nói không khởi tâm trở lại.

Hỏi: Thọ mạng nên nói thuận theo trở lại, bắt đầu sinh- trụ chăng?

Đáp: Chúng sinh nơi cõi Dục, không nhập Tam-muội vô tướng và Tam-muội diệt tận, thì thuận theo trở lại. Nếu nhập định vô tướng- định diệt tận và trời cõi Sắc- Vô sắc thì nên nói bắt đầu sinh- trụ.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Mạng người mòn dần hết, như nước nơi sông nhỏ, các chúng sinh luôn mong thọ mạng đến hết thọ mạng kia.”

Hỏi: Thế nào là biết thọ mạng kia đã hết?

Đáp: Đời tận- kiếp tận nhập Tam-muội vô tướng và Tam-muội diệt tận.

Hỏi: Thọ mạng lưu chuyển nên nói thuận theo trở lại hay nên nói là trụ?

Đáp: Nên nói là trụ.

Hỏi: Nhập Tam-muội vô tướng, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có bảy.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Tam-muội vô tướng khởi lên có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Có bảy.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nhập Tam-muội diệt tận, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có bảy.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Tam-muội diệt tận khởi lên có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Hoặc có bảy (năm căn như tín v.v..., ý căn, hộ căn), hoặc tám (năm căn như tín v.v... ý căn, hộ căn, dĩ tri căn), tâm hữu lậu là bảy, tâm vô lậu là tám.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hoặc hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc không hệ thuộc.

Hỏi: Sinh đến cõi vô tướng có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có tám (năm căn như tín v.v..., ý căn, mạng căn, hộ căn).

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Chúng sinh vô tướng ẩn đi, có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Hoặc tám căn- chín căn- mười căn, vô hình là tám, một hình là chín căn, hai hình là mười căn.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Chúng sinh vô tướng nên nói là do tướng sinh hay vô tướng sinh?

Đáp: Chúng sinh vô tướng nên nói là do tướng sinh.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói: “Chúng sinh ấy do tướng sinh ra, ở nơi ấy ẩn đi thì tướng diệt.”

Hỏi: Chúng sinh ấy ở nơi ấy ẩn đi là tướng diệt chăng? Chúng sinh ấy ở nơi ấy ẩn đi là không diệt chăng?

Đáp: Tướng kia diệt thì chúng sinh kia ẩn đi ở xứ đó chứ không phải là chẳng diệt trụ.

Hỏi: Nơi nào diệt tướng này?

Đáp: Tướng ấy trụ nơi này diệt nơi kia.

Hỏi: Tướng này nên nói là thiện hay vô ký?

Đáp: Tướng này hoặc thiện, hoặc vô ký.

Hỏi: Tướng này có bao nhiêu sử sai khiến?

Đáp: Duyên hữu lậu nơi cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu kiết trói buộc?

Đáp: Có sáu.

Lại nữa, Đức Thế Tôn nói: “Tất cả chúng sinh đều do ăn mà tồn tại.”

Hỏi: Chúng sinh cõi vô tướng ăn những gì?

Đáp: Trái qua ý- niệm- thức.

Nhãn căn thấu tóm nhãn căn. Nhĩ- tử- thiệt căn cũng lại như thế. Thân căn thấu tóm ba căn. Ý căn thấu tóm ý căn và phần ít nhập của ba căn. Lạc căn- hỷ căn- hộ căn- tín căn- tinh tiến căn- niệm căn- định căn- tuệ căn cũng lại như thế. Nữ căn thấu tóm nữ căn và phần ít nhập của thân căn. Nam căn thấu tóm nam căn và phần ít nhập của thân căn. Mạng căn thấu tóm mạng căn. Khổ căn thấu tóm khổ căn. Ưu căn thấu tóm ưu căn. Vị tri căn thấu tóm vị tri căn và phần ít nhập của chín căn. Dĩ tri căn và vô tri căn cũng lại như thế.

Tín lực thấu tóm một căn và phần ít nhập của ba căn. Tinh tấn lực- niệm lực- định lực- tuệ lực cũng lại như thế. Niệm giác ý thấu tóm phần ít nhập của bốn căn. Trạch pháp, tinh tiến, hỷ, định giác ý cũng lại như thế. Ý, hộ giác ý không thấu tóm căn.

Đẳng kiến, đẳng phương tiện, đẳng niệm, đẳng định thấu tóm phần ít nhập của bốn căn. Pháp trí và vị trí trí thấu tóm phần ít nhập của bốn căn. Tha tâm trí thấu tóm phần ít nhập của ba căn. Đẳng trí thấu tóm phần ít nhập của một căn. Khổ trí- tập trí- tận trí- đạo trí thấu tóm phần ít nhập của bốn căn. Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện thấu tóm phần ít nhập của bốn căn.

Ý căn có mười căn tương ứng với phần ít nhập của ba căn. Lạc

căn- hỷ căn- hộ căn có chín căn tương ứng với phần ít của nhập. Khổ căn, ưu căn có sáu căn tương ứng với phần ít của nhập. Tín căn có bốn căn tương ứng với phần ít của chín căn nhập. Tinh tiến căn- niệm căn- định căn- tuệ căn cũng lại như thế. Vị tri căn có tương ứng với phần ít nhập của chín căn. Dĩ tri căn và vô tri căn cũng lại như thế.

Tín lực có bốn căn tương ứng với phần ít nhập của chín căn. Tinh tấn lực- niệm lực- định lực- tuệ lực cũng lại như thế. Niệm giác ý tương ứng với phần ít nhập của mười một căn. Trạch pháp tinh tiến và định giác ý cũng lại như thế. Hỷ giác ý có chín căn tương ứng với phần ít nhập của chín căn. Ý giác ý và hộ giác ý có ba căn tương ứng với phần ít nhập của chín căn. Đăng kiến- đăng chí- đăng phương tiện- đăng niệm và đăng định có mười một căn tương ứng với phần ít của nhập. Pháp trí và vị trí trí có mười một căn tương ứng với phần ít của nhập. Tha tâm trí có mười căn tương ứng với phần ít của nhập. Đăng trí có hai căn tương ứng với phần ít nhập của tám căn. Khổ trí- tập trí- tận trí và đạo trí có mười một căn tương ứng với phần ít của nhập. Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện có mười một căn tương ứng với phần ít của nhập.

Hỏi: Ở cõi Dục sinh vào cõi Dục có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín; hoặc tám, hoặc mười ba; hoặc chín, hoặc mười bốn; hoặc mười, hoặc mười lăm. Tâm vô ký hệ thuộc cõi Dục dẫn mạng chung có bốn, tâm thiện có chín; một lúc vô hình mà tâm vô ký mạng chung có tám, tâm thiện có mười ba; một lúc một hình mà tâm vô ký mạng chung có chín, tâm thiện có mười bốn; một lúc có hai hình mà tâm vô ký mạng chung có mười, tâm thiện có mười lăm.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười; vô hình là tám, một hình là chín, hai hình là mười.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Từ cõi Dục sinh đến cõi Sắc có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín, hoặc mười bốn. Tâm vô ký hệ thuộc cõi Dục dẫn mạng chung là bốn, tâm thiện là chín; trong một lúc mà tâm vô ký mạng chung là chín, tâm thiện là mười bốn.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Từ cõi Dục sinh đến cõi Vô sắc có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín, hoặc mười bốn. Tâm vô ký hệ thuộc cõi Dục dần mạng chung là bốn, tâm thiện là chín,; trong một lúc mà tâm vô ký mạng chung là chín, tâm thiện là mười bốn.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Ở cõi Sắc sinh vào cõi Sắc có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc mười ba. Tâm vô ký mạng chung là tám, tâm thiện là mười ba.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Từ cõi Sắc sinh vào cõi Dục có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc mười ba. Tâm vô ký mạng chung là tám, tâm thiện là mười ba.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười. Vô hình là tám, một hình là chín, hai hình là mười.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Từ cõi Sắc sinh đến cõi Vô sắc có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc mười ba. Tâm vô ký mạng chung là tám, tâm thiện là mười ba.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Ở cõi Vô sắc ẩn đi sinh vào cõi Vô sắc có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc ba, hoặc tám. Tâm vô ký là ba, tâm thiện là tám.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Có ba.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Từ cõi Vô sắc ẩn đi sinh vào cõi Dục có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc ba, hoặc tám. Tâm vô ký là ba, tâm thiện là tám.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Hoặc tám, hoặc chín, hoặc mười. Vô hình là tám, một hình là chín, hai hình là mười.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Từ cõi Vô sắc ẩn đi sinh đến cõi Sắc có bao nhiêu căn diệt?

Đáp: Hoặc ba, hoặc tám. Tâm vô ký là ba, tâm thiện là tám.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào diệt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Có bao nhiêu căn hiện trước mắt?

Đáp: Có tám.

Hỏi: Tâm- tâm pháp hệ thuộc cõi nào hiện trước mắt?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: A-la-hán bát Niết-bàn có bao nhiêu căn diệt sau cùng?

Đáp: Hoặc bốn, hoặc chín; hoặc tám, hoặc ba. Ở nơi cõi Dục dần bát Niết-bàn bốn, trong một lúc có chín; cõi Sắc có tám, Vô sắc có ba.

Phẩm 5: BÀN VỀ MỐI PHÁT TÂM

Các pháp và tâm có cùng một khởi- một trụ- một tận thì pháp đó tương ứng với tâm chẳng? Giả sử pháp tương ứng với tâm thì pháp đó với tâm có cùng một khởi- một trụ- một tận chẳng? Các pháp và tâm có cùng một khởi- một trụ- một tận thì pháp đó với tâm có cùng một duyên chẳng? Giả sử các pháp và tâm có cùng một duyên thì pháp đó và tâm có cùng một khởi- một trụ- một tận chẳng? Các pháp và tâm cùng khởi không phải là không dụng tâm, pháp đó khởi thì tâm cùng khởi chẳng phải là không dụng tâm chẳng? Pháp đó trụ- tận thì tâm cùng trụ- tận, chẳng phải là không dụng tâm chẳng?

Thế nào là không tu nhãn căn? Thế nào là không tu nhĩ- tỷ- thiệt- thân- ý căn? Thế nào là tu nhãn căn? Thế nào là tu nhĩ- tỷ- thiệt- thân- ý căn?

Nếu không thành tựu căn học, mà được căn học, thì tất cả học đó đều vượt qua thứ tự để thủ chứng chẳng? Giả sử vượt qua thứ tự để thủ chứng, thì tất cả học đó sẽ không thành tựu căn học mà được căn học chẳng?

Nếu không thành tựu căn học mà được căn học, thì tất cả học đó đều là thứ tự trong pháp thứ nhất của thế gian chẳng? Giả sử thứ tự trong pháp thứ nhất của thế gian, thì tất cả học đó sẽ không thành tựu căn học mà được căn học chẳng?

Nếu bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu, thì tất cả quả ấy là do quả vô lậu chẳng? Giả sử quả là do quả, thì tất cả quả ấy bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu chẳng? Nếu bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu, thì tất cả căn vô lậu kia sẽ tận hay căn vô lậu hiện trước mắt chẳng? Giả sử căn vô lậu đã tận hay căn vô lậu hiện trước mắt, thì tất cả vô lậu kia bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu chẳng?

Các vị trí căn thì tất cả căn ấy không tu đế- tu hữu chẳng? Giả sử không tu đế- tu hữu, thì tất cả căn ấy là vị trí căn chẳng? Tận trí sinh ra ban đầu thì tất cả đó là thứ tự của đạo vô ngại chẳng? Giả sử theo thứ tự của đạo vô ngại, thì đó là tất cả tận trí chẳng? Vô sinh trí phát khởi ban đầu thì đó là thứ tự của tất cả tận trí chẳng? Giả sử theo thứ tự của tận trí, thì trí ấy là tất cả vô sinh trí chẳng?

Như duyên đạo vô ngại thì duyên đó là tận trí chẳng? Như duyên tận trí thì duyên ấy là đạo vô ngại chẳng? Như duyên tận trí thì duyên ấy là vô sinh trí chẳng? Như duyên vô sinh trí thì duyên ấy là tận trí chẳng? Tận trí nên nói là tận trí- pháp trí- vị trí trí- tha tâm trí, khổ- tập- tận-

đạo trí; nên nói là có giác- có quán, nên nói là không có giác- có quán, nên nói là không có giác- không có quán, nên nói là tương ứng với lạc căn, hỷ căn- hộ căn- Không, Vô tướng, Vô nguyện; nên nói duyên hệ thuộc cõi Dục; nên nói duyên hệ thuộc cõi Sắc- Vô sắc, nên nói duyên không hệ thuộc. Vô sinh trí, đẳng kiến vô học cũng như thế.

Các pháp tương ứng với đẳng kiến vô học thì pháp đó tương ứng với đẳng chí vô học chẳng? Giả sử các pháp tương ứng với đẳng chí vô học thì pháp đó tương ứng với đẳng kiến vô học chẳng? Các pháp tương ứng với đẳng kiến vô học thì pháp đó tương ứng với đẳng phương tiện- đẳng niệm- đẳng định- đẳng giải thoát- đẳng trí vô học chẳng? Giả sử các pháp tương ứng với đẳng trí vô học thì pháp ấy tương ứng với đẳng kiến vô học chẳng? Các pháp vô học cho đến tương ứng với đẳng giải thoát thì pháp ấy tương ứng với đẳng trí vô học chẳng/ giả sử các pháp tương ứng với đẳng trí vô học thì pháp đó tương ứng với đẳng giải thoát vô học chẳng?

Về nghĩa của chương này, xin diễn nói đầy đủ.

Hỏi: Các pháp và tâm có cùng một khởi- một trụ- một tận, pháp đó tương ứng với tâm chẳng?

Đáp: Đúng như vậy. Các pháp và tâm cùng tương ứng, thì pháp ấy và tâm có cùng một khởi- một trụ- một tận.

Hỏi: Có thể có pháp và tâm cùng một khởi- một trụ- một tận mà pháp đó không tương ứng với tâm chẳng?

Đáp: Có, tâm hồi chuyển, sắc- tâm hồi chuyển, tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Các pháp và tâm cùng khởi, không phải là không vận dụng tâm, pháp đó khởi thì tâm cùng khởi, chẳng phải là không dụng tâm chẳng? Pháp đó trụ- tận thì tâm cùng trụ- tận, chẳng phải là không dụng tâm chẳng?

Đáp: Chúng sinh nơi cõi Dục- Sắc, không nhập Tam-muội vô tướng và Tam-muội diệt tận. Các căn bốn đại vào lúc pháp kia khởi thì tâm cùng khởi chứ không phải là không dụng tâm, trụ- tận thì tâm cùng trụ- tận chứ không phải là không dụng tâm, nhập định không dụng tâm.

Hỏi: Thế nào là không tu nhãn căn?

Đáp: Nhãn căn chưa hết ái- chưa hết tham- chưa hết nghĩ nhớ- chưa hết khao khát. Lại nữa, dùng đạo vô ngại dứt hết ái sắc mà đạo vô ngại kia không tu cũng không nương dựa. Như thế là không tu nhãn căn.

Nhĩ- tử- thiệt- thân căn cũng như thế.

Hỏi: Các pháp và tâm cùng một khởi- một trụ- một tận, thì pháp đó và tâm cùng một duyên chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Các pháp và tâm cùng một duyên thì pháp ấy và tâm cùng một khởi- một trụ- một tận.

Hỏi: Có thể có pháp và tâm cùng một khởi- một trụ- một tận mà pháp ấy không cùng một duyên với tâm chăng?

Đáp: Có, tâm hồi chuyển, sắc- tâm hồi chuyển và tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Thế nào là không tu ý căn?

Đáp: Ý căn chưa hết ái- chưa hết tham- chưa hết nghĩ nhớ- chưa hết khao khát. Lại nữa, dùng đạo vô ngại dứt hết ái vô sắc, mà đạo vô ngại kia không tu cũng không nương dựa. Như thế là không tu ý căn.

Hỏi: Thế nào là tu nhãn căn?

Đáp: Nhãn căn đã hết ái- hết tham- hết nghĩ nhớ- hết khao khát. Lại nữa, dùng đạo vô ngại dứt hết ái sắc, tu và nương dựa vào đạo vô ngại. Như thế là tu nhãn căn.

Nhĩ- tử- thiệt- thân căn cũng như thế.

Hỏi: Thế nào là tu ý căn?

Đáp: Ý căn đã hết ái- hết tham- hết nghĩ nhớ- hết khao khát. Lại nữa, dùng đạo vô ngại dứt hết ái vô sắc, tu, nương dựa vào đạo vô ngại đó. Như thế là tu ý căn.

Hỏi: Nếu không thành tựu căn học mà được căn học, thì tất cả học đó đều vượt qua thứ tự để thủ chứng chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Vượt qua thứ tự để thủ chứng, thì tất cả học ấy không thành tựu căn học mà đạt được căn học.

Hỏi: Có thể không thành tựu căn học mà được căn học, thì các học đó không phải là vượt qua thứ tự để thủ chứng chăng?

Đáp: Có, quả A-la-hán lui sụt.

Hỏi: Nếu không thành tựu căn học mà được căn học, thì tất cả học đó đều là thứ tự trong pháp thứ nhất của thế gian chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Các thứ tự trong pháp thứ nhất của thế gian, đó là tất cả học không thành tựu căn học mà được căn học.

Hỏi: Có thể không thành tựu căn học mà được căn học, thì tất cả học ấy không phải là thứ tự trong pháp thứ nhất của thế gian chăng?

Đáp: Có quả A-la-hán lui sụt.

Hỏi: Nếu bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu, thì tất cả quả ấy là do quả vô lậu chăng?

Đáp: Đúng như vậy. các quả của do quả thì tất cả quả ấy bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu.

Hỏi: Có thể bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu, thì đó không phải là quả do quả chăng?

Đáp: Có, đã tu đạo mà vị trí trí hiện ở trước mắt, hoặc là A-la-hán đối với đặng ý giải thoát đạt đến vô nghi.

Hỏi: Nếu bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu, thì tất cả căn vô lậu kia không còn hay là căn vô lậu hiện trước mắt?

Đáp: Hoặc bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu, thì căn vô lậu kia không phải là căn vô lậu không còn hay là căn vô lậu hiện trước mắt.

Thế nào là bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu, thì căn vô lậu kia không phải là căn vô lậu không còn mà là căn vô lậu hiện trước mắt? Đạo thế tục nhận lấy quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, thoái lui quả A-la-hán; thoái lui quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, đó gọi là bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu, thì căn vô lậu kia không phải là căn vô lậu không còn mà là căn vô lậu hiện trước mắt.

Thế nào là căn vô lậu không còn mà căn vô lậu hiện trước mắt, thì căn vô lậu đó không phải là bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu? Như vốn có được căn vô lậu đều hiện trước mắt, đó gọi là căn vô lậu không còn mà căn vô lậu hiện trước mắt, thì căn vô lậu đó không phải là bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu.

Thế nào là bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu, thì căn vô lậu kia là căn vô lậu không còn, cũng là căn vô lậu hiện trước mắt? Đã tu đạo mà vị trí trí hiện trước mắt. Đạo vô lậu nhận lấy quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, được quả A-la-hán. Đặng ý giải thoát A-la-hán không có hoài nghi, đó gọi là bỏ căn vô lậu mà được căn vô lậu, thì căn vô lậu kia là căn vô lậu không còn, cũng là căn vô lậu hiện trước mắt.

Thế nào là không bỏ căn vô lậu cũng không được căn vô lậu, không phải căn vô lậu không còn cũng không phải căn vô lậu hiện trước mắt? Trừ những điều như trên.

Hỏi: Các vị trí căn thì tất cả căn ấy không tu đế- tu hữu chăng?

Đáp: Hoặc là vị trí căn mà căn ấy không phải là không tu đế- tu hữu.

Thế nào là vị trí căn mà căn ấy không phải là không tu đế- tu hữu? Các vị trí căn nếu quá khứ- vị lai, thì đó gọi là vị trí căn mà căn đó chẳng phải là không tu đế- tu hữu.

Thế nào là không tu đế- tu hữu mà căn ấy không phải là vị trí căn? Các căn vô lậu không tu đế- tu hữu, đó gọi là không tu đế- tu hữu, căn

ấy không phải vị tri căn.

Thế nào là vị tri căn mà căn đó không tu đế- tu hữu? Các vị tri căn không tu đế- tu hữu, đó gọi là vị tri căn mà căn đó không tu đế- tu hữu.

Thế nào là không phải không tu đế- tu hữu mà căn ấy cũng không phải là vị tri căn? Trừ những điều như trên.

Hỏi: Tận trí sinh ra ban đầu thì tất cả đó là thứ tự của đạo vô ngại chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử theo thứ tự của đạo vô ngại, thì đó là tất cả tận trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Vô sinh trí phát khởi ban đầu, thì đó là thứ tự của tất cả tận trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử theo thứ tự của tận trí, thì đó là tất cả vô sinh trí chăng?

Đáp: Hoặc tận trí, hoặc vô sinh trí, hoặc đẳng kiến vô học.

Hỏi: Các duyên của đạo vô ngại thì duyên đó là tận trí chăng?

Đáp: Nếu đạo vô ngại duyên với chủng ấy thì duyên ấy là tận trí, nếu đạo vô ngại không duyên với chủng này thì đó không phải là duyên với tận trí.

Hỏi: Như duyên tận trí thì duyên đó là vô sinh trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Như duyên vô sinh trí thì duyên đó là tận trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Tận trí nên nói là tận trí chăng?

Đáp: Tận trí nên nói tận trí. Hoặc đó là pháp trí- vị trí trí- tha tâm trí, khổ- tập- tận- đạo trí, hoặc có giác- có quán; hoặc không có giác- có quán; hoặc không có giác- không có quán; hoặc tương ứng với lạc căn; hoặc hỷ căn, hộ căn, hoặc không- vô tướng- vô nguyện, hoặc duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên hệ thuộc cõi Sắc, Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc. Vô sinh trí cũng như thế.

Hỏi: Vô học đẳng kiến nên nói là vô học đẳng kiến chăng?

Đáp: Vô học đẳng kiến, nên nói là vô học đẳng kiến. Hoặc đó là pháp trí- vị trí trí- tha tâm trí, khổ- tập- tận- đạo trí, hoặc có giác- có quán, hoặc không có giác- có quán, hoặc không có giác- không có quán, hoặc tương ứng với lạc căn, hoặc hỷ căn, hộ căn, hoặc không- vô

tướng- vô nguyện, hoặc duyên hệ thuộc cõi Dục, hoặc duyên hệ thuộc cõi Sắc- Vô sắc, hoặc duyên không hệ thuộc.

Hỏi: Các pháp tương ứng với đẳng kiến vô học thì pháp đó tương ứng với đẳng chí vô học chăng?

Đáp: Hoặc đẳng kiến mà không phải đẳng chí.

Thế nào là đẳng kiến mà không phải đẳng chí? Đẳng kiến tương ứng với đẳng chí, các đẳng chí không tương ứng với pháp tương ứng của đẳng kiến, đó gọi là đẳng kiến mà không phải đẳng chí.

Thế nào là đẳng chí mà không phải đẳng kiến? Đẳng chí tương ứng với đẳng kiến, các đẳng kiến không tương ứng với pháp tương ứng của đẳng chí, đó gọi là đẳng chí mà không phải đẳng kiến.

Thế nào là đẳng chí cũng là đẳng kiến? Trừ đẳng kiến tương ứng với đẳng chí, các pháp tương ứng của đẳng chí, đẳng kiến, đó gọi là đẳng chí cũng là đẳng kiến.

Thế nào là không phải đẳng kiến cũng không phải đẳng chí? Đẳng kiến không tương ứng với đẳng chí, đẳng chí không tương ứng với đẳng kiến, còn lại các tâm- tâm pháp và sắc vô vi- tâm bất tương ứng hành, đó gọi là không phải đẳng kiến cũng không phải đẳng chí.

Hỏi: Các pháp tương ứng với đẳng kiến vô học thì pháp đó là đẳng phương tiện vô học chăng?

Đáp: Hoặc là đẳng kiến mà không phải đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng kiến mà không phải đẳng phương tiện? Đẳng kiến tương ứng với đẳng phương tiện, đó gọi là đẳng kiến mà không phải đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng phương tiện mà không phải đẳng kiến? Đẳng kiến không tương ứng với các đẳng kiến tương ứng với pháp tương ứng của đẳng phương tiện, đó gọi là đẳng phương tiện mà không phải đẳng kiến.

Thế nào là đẳng phương tiện cũng là đẳng kiến? Trừ ra đẳng phương tiện còn lại các pháp tương ứng với đẳng kiến, đó gọi là đẳng phương tiện, đẳng kiến.

Thế nào là không phải đẳng kiến, không phải đẳng phương tiện? Đẳng kiến không tương ứng với đẳng phương tiện, đẳng phương tiện không tương ứng với đẳng kiến, các tâm- tâm pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất tương ứng hành, đó gọi là không phải đẳng kiến, không phải đẳng phương tiện.

Đẳng niệm, đẳng định, đẳng giải thoát cũng như thế.

Các pháp tương ứng với đẳng kiến vô học pháp đó không phải là

đẳng trí vô học. Giả sử các pháp tương ứng với đẳng trí vô học, pháp đó không phải là đẳng kiến vô học.

Hỏi: Các pháp tương ứng với đẳng chí vô học, pháp đó là đẳng phương tiện vô học chăng?

Đáp: Hoặc đẳng chí, không phải đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng chí mà không phải đẳng phương tiện? Đẳng chí tương ứng với đẳng phương tiện, đó gọi là đẳng chí, không phải đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng phương tiện mà không phải đẳng chí? Đẳng chí không tương ứng với pháp tương ứng của đẳng phương tiện, đó gọi là đẳng phương tiện mà không phải đẳng chí.

Thế nào là đẳng phương tiện cũng là đẳng chí? Trừ ra đẳng phương tiện, còn lại các pháp tương ứng với đẳng chí, đó gọi là đẳng phương tiện cũng là đẳng chí.

Thế nào là không phải đẳng chí cũng không phải đẳng phương tiện? Đẳng chí không tương ứng với đẳng phương tiện, đẳng phương tiện không tương ứng với đẳng chí, còn lại các tâm- tâm pháp và sắc vô vi- tâm bất tương ứng hành, đó gọi là không phải đẳng chí cũng không phải đẳng phương tiện. Đẳng niệm- đẳng định- đẳng giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với đẳng chí vô học, pháp đó là đẳng trí vô học chăng?

Đáp: Hoặc đẳng chí mà không phải đẳng trí.

Thế nào là đẳng chí mà không phải đẳng trí? Đẳng chí tương ứng với đẳng trí, các đẳng trí không tương ứng với pháp tương ứng của đẳng chí, đó gọi là đẳng chí, không phải đẳng trí.

Thế nào là đẳng trí mà không phải đẳng chí? Đẳng trí tương ứng với đẳng chí, các đẳng chí không tương ứng với pháp tương ứng của đẳng trí, đó gọi là đẳng trí mà không phải đẳng chí.

Thế nào là đẳng trí cũng là đẳng chí? Trừ ra đẳng chí tương ứng với đẳng trí, còn lại các đẳng chí là pháp tương ứng với đẳng trí, đó gọi là đẳng trí cũng là đẳng chí.

Thế nào là không phải đẳng chí cũng không phải đẳng trí? Đẳng chí không tương ứng với đẳng trí, đẳng trí không tương ứng với đẳng chí, còn lại các tâm- tâm pháp và sắc vô vi- tâm bất tương ứng hành, đó gọi là không phải đẳng chí cũng không phải đẳng trí.

Hỏi: Các pháp tương ứng với đẳng phương tiện, vô học pháp đó là đẳng niệm vô học chăng?

Đáp: Hoặc là đẳng phương tiện mà không phải đẳng niệm.

Thế nào là đẳng phương tiện mà không phải đẳng niệm? Đẳng niệm, đó gọi là đẳng phương tiện mà không phải đẳng niệm.

Thế nào là đẳng niệm mà không phải đẳng phương tiện? Đẳng phương tiện, đó gọi là đẳng niệm mà không phải đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng niệm cũng là đẳng phương tiện? Trừ ra đẳng niệm, còn lại các pháp tương ứng với đẳng phương tiện, đó gọi là đẳng niệm cũng là đẳng phương tiện.

Thế nào là không phải đẳng phương tiện cũng không phải đẳng niệm? Đẳng niệm không tương ứng với đẳng phương tiện, đẳng phương tiện không tương ứng với đẳng niệm, còn lại các tâm- tâm pháp và sắc vô vi- tâm bất tương ứng hành, đó gọi là không phải đẳng phương tiện cũng không phải đẳng niệm. Đẳng niệm- đẳng định- đẳng giải thoát cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với đẳng phương tiện, vô học pháp đó là đẳng trí vô học chăng?

Đáp: Hoặc đẳng phương tiện mà không phải đẳng trí.

Thế nào là đẳng phương tiện mà không phải đẳng trí? Đẳng trí, không tương ứng với các đẳng trí mà tương ứng với pháp tương ứng của đẳng phương tiện, đó gọi là đẳng phương tiện mà không phải đẳng trí.

Thế nào là đẳng trí mà không phải đẳng phương tiện? Đẳng trí tương ứng với đẳng phương tiện, đó gọi là đẳng trí mà không phải đẳng phương tiện.

Thế nào là đẳng trí cũng là đẳng phương tiện? Trừ ra đẳng phương tiện, còn lại các pháp tương ứng với đẳng trí, đó gọi là đẳng phương tiện cũng là đẳng trí.

Thế nào là không phải đẳng phương tiện cũng không phải đẳng trí? Đẳng trí không tương ứng với đẳng phương tiện, còn lại các tâm- tâm pháp và sắc vô vi- tâm bất tương ứng hành, đó gọi là không phải đẳng phương tiện cũng không phải đẳng trí. Đẳng niệm, đẳng định cũng như thế.

Hỏi: Các pháp tương ứng với đẳng giải thoát vô học, pháp đó là đẳng trí vô học chăng?

Đáp: Hoặc là đẳng giải thoát mà không phải đẳng trí.

Thế nào là đẳng giải thoát mà không phải đẳng trí? Đẳng trí không tương ứng với các đẳng trí mà tương ứng với pháp tương ứng của đẳng giải thoát, đó gọi là đẳng giải thoát mà không phải đẳng trí.

Thế nào là đẳng trí mà không phải đẳng giải thoát? Đẳng trí tương

ưng với đẳng giải thoát, đó gọi là đẳng trí mà không phải đẳng giải thoát.

Thế nào là đẳng trí cũng là đẳng giải thoát? Trừ ra đẳng giải thoát, còn lại các pháp tương ứng với đẳng trí, đó gọi là đẳng giải thoát cũng đẳng trí.

Thế nào là không phải đẳng giải thoát cũng không phải đẳng trí? Đẳng trí không tương ứng với đẳng giải thoát, còn lại các tâm- tâm pháp và sắc vô vi- tâm bất tương ứng hành, đó gọi là không phải đẳng giải thoát cũng không phải đẳng trí.

Phẩm 6: BÀN VỀ NGŨ TỬ

Hai mươi hai căn là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn, nam căn, nữ căn, mạng căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, hộ căn, tín căn, tinh tiến căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn.

Nếu thành tựu nhãn căn thì đối với hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn thành tựu, bao nhiêu căn không thành tựu? Cho đến thành tựu vô tri căn thì đối với hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn thành tựu, bao nhiêu căn không thành tựu?

Nếu thành tựu nhãn căn thì đối với hai mươi hai căn này, thành tựu bao nhiêu căn quá khứ- vị lai, hiện tại; không thành tựu bao nhiêu căn quá khứ- vị lai, hiện tại? Cho đến thành tựu vô tri căn, thì đối với hai mươi hai căn này, thành tựu bao nhiêu căn quá khứ- vị lai, hiện tại; không thành tựu bao nhiêu căn quá khứ- vị lai, hiện tại?

Nếu không thành tựu nhãn căn thì đối với hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn thành tựu, bao nhiêu căn không thành tựu? Cho đến không thành tựu vô tri căn thì đối với hai mươi hai căn này, có bao nhiêu căn thành tựu, bao nhiêu căn không thành tựu?

Nếu không thành tựu nhãn căn thì đối với hai mươi hai căn này, thành tựu bao nhiêu căn quá khứ- vị lai, hiện tại; không thành tựu bao nhiêu căn quá khứ- vị lai, hiện tại? Cho đến không thành tựu vô tri căn, thì đối với hai mươi hai căn này, thành tựu bao nhiêu căn quá khứ- vị lai, hiện tại; không thành tựu bao nhiêu căn quá khứ- vị lai, hiện tại?

Các căn thiện thì nhân của căn đó vốn là căn thiện chăng? Giả sử nhân của các căn vốn là căn thiện thì căn ấy là thiện chăng? Các căn bất thiện, thì nhân của căn đó vốn là căn bất thiện chăng? Giả sử nhân của các căn vốn là căn bất thiện thì căn ấy là bất thiện chăng? Các căn vô ký thì nhân của căn đó vốn là căn vô ký chăng? Giả sử nhân của các căn vốn là căn bất thiện thì căn vô ký thì căn ấy là vô ký chăng?

Có thể có căn không phải nhân vốn là căn thiện, không phải nhân vốn là căn bất thiện, cũng không phải nhân vốn là căn vô ký, căn ấy không phải là không có nhân chăng?

Về nghĩa của chương này, xin diễn nói đầy đủ.

Hai mươi hai căn là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn, nam căn, nữ căn, mạng căn, lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, hộ căn, tín căn, tinh tiến căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, vị tri căn, dĩ tri căn, vô tri căn.

Nếu thành tựu nhân căn thì đó là chắc chắn thành tựu năm căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, cũng lại như thế.

Nếu thành tựu thân căn thì đó là chắc chắn thành tựu bốn căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu ý căn thì đó là chắc chắn thành tựu ba căn (ý, mạng, hộ); còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Mạng căn, hộ căn cũng lại như thế.

Nếu thành tựu nam căn- nữ căn thì đó là chắc chắn thành tựu tám căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu lạc căn, thì đó là chắc chắn thành tựu bốn căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu khổ căn, thì đó là chắc chắn thành tựu bảy căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu hỷ căn thì đó là chắc chắn thành tựu năm căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu ưu căn thì người kia thành tựu tám căn, và lúc ấy chắc chắn không thành tựu một căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu tín căn thì đó là chắc chắn thành tựu tám căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng lại như thế.

Nếu thành tựu vị tri căn thì người kia thành tựu mười ba căn, và lúc ấy chắc chắn không thành tựu hai căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu dĩ tri căn thì người kia thành tựu mười một căn, và lúc ấy chắc chắn không thành tựu hai căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu vô tri căn thì người kia thành tựu mười một căn, và lúc ấy chắc chắn không thành tựu ba căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu nhân căn thì đó là chắc chắn không thành tựu tám căn quá khứ- vị lai, chắc chắn thành tựu hai căn quá khứ- vị lai và ba căn hiện tại; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng lại như thế.

Nếu thành tựu thân căn thì đó là chắc chắn không thành tựu tám căn quá khứ- vị lai, chắc chắn thành tựu hai căn quá khứ- vị lai và hai căn hiện tại; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu ý căn thì đó là chắc chắn không thành tựu tám căn quá khứ- vị lai, chắc chắn thành tựu hai căn quá khứ- vị lai và một căn hiện tại; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Mạng căn, hộ căn cũng lại như thế.

Nếu thành tựu nam căn- nữ căn thì đó là chắc chắn không thành tựu tám căn quá khứ- vị lai, chắc chắn thành tựu năm căn quá khứ- vị lai và ba căn hiện tại; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu lạc căn thì đó là chắc chắn không thành tựu tám căn quá khứ- vị lai, chắc chắn thành tựu hai căn quá khứ- vị lai và một căn vị lai một căn hiện tại; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu khổ căn, thì đó là chắc chắn không thành tựu tám căn quá khứ- vị lai, chắc chắn thành tựu năm căn quá khứ- vị lai và hai căn hiện tại; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu hỷ căn thì đó là chắc chắn không thành tựu tám căn quá khứ- vị lai, chắc chắn thành tựu hai căn quá khứ- vị lai và hai căn vị lai một căn hiện tại; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu ưu căn thì đó là chắc chắn không thành tựu tám căn quá khứ- vị lai, lúc ấy chắc chắn không thành tựu một căn quá khứ- vị lai- hiện tại; chắc chắn thành tựu bốn căn quá khứ- vị lai, thành tựu hai căn quá khứ- vị lai- hiện tại và hai căn hiện tại; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu tín căn thì đó là chắc chắn không thành tựu tám căn quá khứ- vị lai, chắc chắn thành tựu bảy căn quá khứ- vị lai và hiện tại có một; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng lại như thế.

Nếu thành tựu vị tri căn, thì đó là chắc chắn không thành tựu tám căn quá khứ- vị lai, chắc chắn không thành tựu hai căn quá khứ- vị lai- hiện tại; chắc chắn thành tựu bảy căn quá khứ- vị lai- hiện tại, thành tựu quá khứ- vị lai có ba, vị lai- hiện tại có một, hiện tại có hai; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu dĩ tri căn thì đó là chắc chắn không thành tựu tám căn quá khứ- vị lai, chắc chắn không thành tựu hai căn quá khứ- vị lai- hiện tại; chắc chắn thành tựu bảy căn quá khứ- vị lai và vị lai có ba, hiện tại có một; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu thành tựu vô tri căn thì đó là chắc chắn không thành tựu tám căn quá khứ- vị lai, chắc chắn không thành tựu ba căn quá khứ- vị lai-

hiện tại; chắc chắn thành tựu bảy căn quá khứ- vị lai và vị lai có ba, hiện tại có một; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu nhãn căn thì đó là chắc chắn thành tựu ba căn, và chắc chắn không thành tựu một căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng lại như thế.

Nếu không thành tựu thân căn thì đó là chắc chắn thành tựu tám căn, và chắc chắn không thành tựu mười căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Ý căn, mạng căn, hộ căn đều thành tựu.

Nếu không thành tựu nam căn- nữ căn thì đó là chắc chắn thành tựu ba căn, và chắc chắn không thành tựu một căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu lạc căn thì đó là chắc chắn thành tựu tám căn, và chắc chắn không thành tựu chín căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu khổ căn thì đó là chắc chắn thành tựu tám căn và chắc chắn không thành tựu năm căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu hỷ căn thì đó là chắc chắn thành tựu tám căn, và chắc chắn không thành tựu tám căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu ưu căn thì người kia thành tựu tám căn, và chắc chắn không thành tựu một căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu.

Nếu không thành tựu tín căn thì đó là chắc chắn thành tựu tám căn, không thành tựu tám căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng lại như thế.

Nếu không thành tựu vị tri căn thì người kia thành tựu ba căn, và chắc chắn không thành tựu một căn; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Dĩ tri căn và vô tri căn cũng lại như thế.

Nếu không thành tựu nhãn căn thì lúc ấy chắc chắn không thành tựu một căn quá khứ- vị lai- hiện tại, chắc chắn không thành tựu bảy căn quá khứ- vị lai; chắc chắn thành tựu hai căn quá khứ- vị lai và hiện tại có một; còn lại thì hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn cũng lại như thế.

Nếu không thành tựu thân căn, thì lúc ấy chắc chắn không thành tựu mười căn quá khứ- vị lai, hiện tại, chắc chắn không thành tựu một căn quá khứ- vị lai; chắc chắn thành tựu năm căn quá khứ- vị lai; hai căn quá khứ- vị lai và hiện tại, hiện tại có một; còn lại thì hoặc thành

tự, hoặc không thành tự. Ý căn, mạng căn, hộ căn đều thành tự.

Nếu không thành tự nam căn- nữ căn, thì đó là chắc chắn không thành tự một căn quá khứ- vị lai, hiện tại, không thành tự bảy căn quá khứ- vị lai; thành tự hai căn quá khứ- vị lai- hiện tại một; còn lại thì hoặc thành tự, hoặc không thành tự.

Nếu không thành tự lạc căn thì đó là chắc chắn không thành tự chín căn quá khứ- vị lai- hiện tại, chắc chắn không thành tự sáu căn quá khứ- vị lai; chắc chắn thành tự bảy căn quá khứ- vị lai, một căn hiện tại; còn lại thì hoặc thành tự, hoặc không thành tự.

Nếu không thành tự khổ căn, thì đó là chắc chắn không thành tự năm căn quá khứ- vị lai, hiện tại, chắc chắn không thành tự sáu căn quá khứ- vị lai; chắc chắn thành tự bảy căn quá khứ- vị lai và hiện tại có một; còn lại thì hoặc thành tự, hoặc không thành tự.

Nếu không thành tự hỷ căn thì lúc ấy chắc chắn không thành tự tám căn quá khứ- vị lai- hiện tại, chắc chắn không thành tự sáu căn quá khứ- vị lai; chắc chắn thành tự bảy căn quá khứ- vị lai và hiện tại có một; còn lại thì hoặc thành tự, hoặc không thành tự.

Nếu không thành tự ưu căn thì đó là chắc chắn không thành tự một căn quá khứ- vị lai- hiện tại, chắc chắn không thành tự tám căn quá khứ- vị lai; chắc chắn thành tự bảy căn quá khứ- vị lai và hiện tại có một; còn lại thì hoặc thành tự, hoặc không thành tự.

Nếu không thành tự tín căn thì lúc ấy chắc chắn không thành tự tám căn quá khứ- vị lai- hiện tại, cũng chắc chắn không thành tự tám căn quá khứ- vị lai; chắc chắn thành tự bốn căn quá khứ- vị lai, hai căn quá khứ- vị lai- hiện tại và hiện tại có hai; còn lại thì hoặc thành tự, hoặc không thành tự. Tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn cũng lại như thế.

Nếu không thành tự vị tri căn thì đó là chắc chắn không thành tự một căn quá khứ- vị lai- hiện tại, cũng chắc chắn không thành tự tám căn quá khứ- vị lai; chắc chắn thành tự hai căn quá khứ- vị lai và hiện tại có một; còn lại thì hoặc thành tự, hoặc không thành tự. Dĩ tri căn và vô tri căn cũng lại như thế.

Hỏi: Các căn thiện thì nhân của căn đó vốn là căn thiện chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Các căn thiện thì nhân của căn đó vốn là căn thiện.

Hỏi: Có thể nhân của căn vốn là căn thiện mà căn ấy chẳng phải là thiện chăng?

Đáp: Có, vốn là căn thiện mà báo là căn vô ký.

Hỏi: Các căn bất thiện, thì nhân của căn đó vốn là căn bất thiện chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Các căn bất thiện, căn đó là nhân căn bất thiện.

Hỏi: Giả sử nhân của các căn vốn là căn bất thiện thì căn ấy là bất thiện chăng?

Đáp: Có, vốn là căn bất thiện mà báo là căn vô ký, hoặc căn tương ứng với thân kiến- biên kiến nơi cõi Dục.

Hỏi: Các căn vô ký thì nhân của căn ấy vốn là căn vô ký chăng? Đáp: Hoặc là căn vô ký mà căn đó không có nhân vốn là căn vô ký.

Thế nào là căn vô ký mà căn đó không có nhân vốn là căn vô ký?

Vì vô ký không duyên với căn, đó gọi là căn vô ký mà căn đó không có nhân vốn là căn vô ký.

Thế nào là căn có nhân vốn là căn vô ký mà căn đó không phải là căn vô ký? Căn bất thiện, đó gọi là căn có nhân vốn là căn vô ký mà căn đó không phải căn vô ký.

Thế nào là căn vô ký mà căn đó có nhân vốn là căn vô ký? Vốn là căn vô ký có duyên vô ký có duyên với căn, đó gọi là căn vô ký mà căn đó có nhân vốn là căn vô ký.

Thế nào là căn không phải vô ký mà căn đó không có nhân vốn là căn vô ký? Căn thiện, đó gọi là căn không phải vô ký mà căn đó không có nhân vốn là căn vô ký.

Hỏi: Có thể có căn không phải nhân vốn là căn thiện, không phải nhân vốn là căn bất thiện, cũng không phải nhân vốn là căn vô ký mà căn đó không phải là không có nhân chăng?

Đáp: Có, các căn không có duyên mà nhân là sắc- tâm bất tương ứng hành.

